

Bản án số: 33/2024/HNGĐ-ST  
Ngày: 09/8/2024  
V/v “*Tranh chấp ly hôn*”

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN P, TỈNH PHÚ YÊN**

*Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Thúy Sơn*

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1/Bà Huỳnh Thị Minh Hải

2/Ông Lương Công Trình

*Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Bà Lê Thị Cẩm Thoang- Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phú Hòa, tỉnh Phú Yên.*

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện P, tỉnh Phú Yên tham gia phiên tòa: Ông Trần Thế Hiện- Kiểm sát viên.*

Trong ngày 09 tháng 8 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh Phú Yên xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 81/2024/TLST-HNGĐ ngày 29 tháng 5 năm 2024 về “*Tranh chấp ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 29/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 11 tháng 7 năm 2024 giữa các đương sự;

- Nguyên đơn: Chị Lê Thị Bích H, sinh năm 1997

Trú tại: Thôn Đ, xã H, huyện P, tỉnh Phú Yên.

Có mặt tại phiên tòa;

- Bị đơn: Anh Phạm Tấn N, sinh năm 1994

Trú tại: Thôn Đ, xã H, huyện P, Phú Yên.

Vắng mặt tại phiên tòa.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo đơn khởi kiện ngày 21/5/2024, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn chị Lê Thị Bích H trình bày: Vào năm 2014 chị H và anh Phạm Tấn N kết hôn với nhau, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện P, hôn nhân tự nguyện. Sau khi kết hôn vợ chồng sinh sống bình thường. Đến cuối năm 2020, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn lý do anh N trai gái với người phụ nữ khác, không lo làm ăn, chị H có khuyên bảo nhưng anh N không nghe mà còn gây gổ đánh đập, từ đó vợ chồng không còn hạnh phúc, đến năm 2021 thì vợ chồng không còn chung sống với nhau, không ai quan tâm đến ai. Nay chị H không còn tình cảm với anh N nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn.

Về con chung: Vợ chồng có hai chung là Phạm Lê Diễm M, sinh ngày 20/8/2014 và Phạm Lê Trà M1, ngày 06/02/2017, hiện nay đang ở với chị H, ly hôn chị H xin nhận nuôi hai con, yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi hai con mỗi tháng 2.000.000đ/tháng (mỗi con 1.000.000đ/tháng). Thời hạn cấp dưỡng kể tháng 8/2024.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa giải quyết.

Theo biên bản ghi lời trình bày ngày 04/7/2024 của Tòa án nhân dân huyện Phú Hòa, bà **Trần Thị Đ** (là mẹ đẻ anh **Phạm Tấn N**) khai nhận: Anh **Phạm Tấn N** có vợ là chị **Lê Thị Bích H**, trong quá trình chung sống anh **N** có đi trai gái với người phụ nữ khác, nhiều lần chị **H** và gia đình bà **Đ** có khuyên bảo nhưng anh **N** không nghe, từ năm 2021 vợ chồng **H, N** không còn sống chung với nhau cho đến nay. Việc chị **H** xin ly hôn thì anh **N** biết, bà **Đ** có nhận giấy triệu tập và các văn bản của Tòa án gửi cho **N** và thông báo cho anh **N** nhưng anh **N** không về Tòa giải quyết. Về con chung vợ chồng chị **H**, anh **N** có hai con chung tên **Phạm Lê Diễm M** và **Phạm Lê Trà M1**. Về tài sản chung và nợ chung không có.

Tòa án nhân dân huyện Phú Hòa đã triệu tập họp lệ và mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ, hòa giải và xét xử nhưng anh **N** đều vắng mặt và Tòa án đã tiến hành lập biên bản phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và nêu quan điểm giải quyết vụ án; Đề nghị Hội đồng xét xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của nguyên đơn, cho chị **Lê Thị Bích H** được ly hôn với anh **Phạm Tấn N**; Về con chung: Giao cháu **Phạm Lê Diễm M**, sinh ngày 20/8/2014 và **Phạm Lê Trà M1**, ngày 06/02/2017 cho chị **H** trực tiếp nuôi dưỡng. Về cấp dưỡng nuôi con: Anh **Phạm Tấn N** có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi hai con chung mỗi tháng 2.000.000đ (mỗi con 1.000.000đ/tháng), thời hạn cấp dưỡng từ tháng 8/2024. Về tài sản chung: Chị **H** không yêu cầu giải quyết nên đề nghị Tòa không xét. Về án phí các đương sự phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

**[1]Về thủ tục tố tụng:** Bị đơn anh **Phạm Tấn N** đã được Tòa án triệu tập họp lệ nhiều lần để tham gia phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt. Căn cứ Điều 227 và Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

**[2]Về quan hệ hôn nhân:** Chị **Lê Thị Bích H** và anh **Phạm Tấn N** tự nguyện tìm hiểu và kết hôn với nhau, được Ủy ban nhân dân xã **H**, huyện **P** cấp giấy chứng nhận kết hôn vào năm 2014 nên đây là hôn nhân hợp pháp. Tại phiên tòa, chị **H** vẫn giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn, lý do vợ chồng xảy ra mâu thuẫn và không còn sống chung với nhau. Tòa án nhân dân huyện Phú Hòa nhiều lần đã tổng đạt họp lệ các văn bản tố tụng và Quyết định đưa vụ án ra xét xử cho bị đơn nhưng anh **N** không đến Tòa để thể hiện thiện chí đoàn tụ. Xét thấy, hôn nhân giữa chị **H** và anh **N** đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn, cho chị **H** được ly hôn với anh **N**.

**[3]Về con chung:** Chị **Lê Thị Bích H** và anh **Phạm Tấn N** có hai con chung là **Phạm Lê Diễm M**, sinh ngày 20/8/2014 và **Phạm Lê Trà M1**, ngày 06/02/2017. Ly hôn chị **H** xin nhận nuôi hai con. Xét thấy, hiện nay cháu **Phạm Lê Diễm M** và **Phạm Lê Trà M1** đang ở với chị **H** và đều trình ý kiến, nguyện vọng ở với mẹ. Do đó, để đảm bảo sự phát triển ổn định cuộc sống như lâu nay nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin nuôi con của chị **H**, giao hai con chung cho chị **H** trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục.

[4] Về cấp dưỡng nuôi con: Chị Lê Thị Bích H yêu cầu anh Phạm Tấn N phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi hai con chung Phạm Lê Diễm M và Phạm Lê Trà M1, mỗi tháng 2.000.000đ (mỗi con 1.000.000đ/tháng), thời hạn cấp dưỡng từ tháng 8/2024. Xét thấy, anh N có khả năng lao động và có thu nhập, chị H yêu cầu mức cấp dưỡng nêu trên là phù hợp nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Về tài sản chung: Chị Lê Thị Bích H không yêu cầu giải quyết nên Tòa không xét.

[6] Về án phí: Chị Lê Thị Bích H phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí HNGĐ-ST và anh Phạm Tấn N phải chịu 300.000đ án phí DSST (phần cấp dưỡng nuôi con).

Vì các lẽ trên;

### QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự  
Áp dụng Điều 56, 81, 82, 83 và 84 Luật Hôn nhân và gia đình 2014.

#### **Tuyên xử:**

Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của nguyên đơn, cho chị Lê Thị Bích H được ly hôn với anh Phạm Tấn N.

Về con chung: Giao cháu Phạm Lê Diễm M, sinh ngày 20/8/2014 và Phạm Lê Trà M1, ngày 06/02/2017 cho chị Lê Thị Bích H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở.

Về cấp dưỡng nuôi con: Buộc anh Phạm Tấn N phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi hai con chung Phạm Lê Diễm M và Phạm Lê Trà M1, mỗi tháng 2.000.000đ (mỗi con 1.000.000đ/tháng), thời hạn cấp dưỡng từ tháng 8/2024, cho đến khi phát sinh một trong các trường hợp quy định tại Điều 118 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Về tài sản chung: Chị Lê Thị Bích H không yêu cầu giải quyết nên Tòa không xét.

Về án phí: Áp dụng Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Nguyên đơn chị Lê Thị Bích H phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí HNGĐ-ST. Được khấu trừ số tiền chị H đã nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tại Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0004671 ngày 29/5/2024 của cơ quan Chi cục Thi hành án Dân sự huyện P, tỉnh Phú Yên.

Bị đơn anh Phạm Tấn N phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí Dân sự sơ thẩm (Phần cấp dưỡng nuôi con).

*Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án Dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án được thực hiện theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án Dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án Dân sự.*

Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

**Nơi nhận:**

- Các đương sự;
  - VKSND H.P;
  - CCTHADS H P;
  - TAND tỉnh Phú Yên;
  - UBND xã H, h.P
- (Số 42; Ngày 24/9/2014)
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Lê Thị Thúy Sơn**